

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày

tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-BYT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng;

*Căn cứ Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 225/TTr-SYT ngày 24 tháng 7 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Cụ thể:

a) Sửa đổi mức thu phí và một số nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thứ tự số 03 Mục I, Phần A.3 Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

b) Sửa đổi thông tư thu phí tại Danh mục thủ tục hành chính; sửa đổi thông tư thu phí và cách thức thực hiện tại nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thứ tự số 01, số 02, số 03, số 04, số 05, số 06 Mục I, Phần A.3 Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; thủ tục hành chính thứ tự số 1 Mục I, Phần B Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Nhân**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG  
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH Y TẾ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.100.000 đồng/lần/1 sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>- Luật Quảng cáo năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của</li> </ul>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> </ul>
2	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/ hồ sơ.</li> <li>- Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/ hồ sơ.</li> <li>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/ hồ sơ.</li> <li>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> </ul>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/ hồ sơ.	
3	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> </ul>
4	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> </ul>
5	1.003094	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức	03 ngày làm việc	Cơ quan Hải quan	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định</li> </ul>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kiểm tra giảm				chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.
6	1.002867	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	03 ngày làm việc	Cơ quan kiểm tra.	300.000 đồng/ lô hàng	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.
7	1.002867	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	07 ngày làm việc	Cơ quan kiểm tra	1.000.000 đồng/ lô hàng + số mặt hàng x 100.000 đồng (số mặt hàng tính từ mặt hàng thứ 2). Tối đa 10.000.000 đồng/ lô hàng	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện/thành phố	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/ hồ sơ.</li> <li>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/ hồ sơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (gọi tắt là Nghị định 155/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> <li>- Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp quản lý và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.</li> </ul>